TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHÂU THÀNH** **TỈNH HẬU GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 40/2020/HNGĐ - ST
Ngày: 22 – 7 - 2020
V/v: Tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH HẬU GIANG

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Thọ

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Hoàng Vũ

2. Ông Nguyễn Văn Trương

- ***Thư ký phiên tòa:*** Ông Trần Thanh Mộng – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Hậu Giang

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành tham gia phiên tòa: Bà Phan Thị Hồng Thắm – Kiểm sát viên

Ngày 22 tháng 7 năm 2020 tại Tòa án nhân dân huyện Châu Thành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 35/2020/TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 02 năm 2020 về "Tranh chấp ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 45A/2020/QĐXXST - HNGĐ ngày 24 tháng 6 năm 2020 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Lương Thị Thanh N

Địa chỉ: Khu vực T, phường Th, quận C, thành phố Cần Thơ (Có mặt)

2. Bị đơn: Anh Trần Tấn Đ

Địa chỉ: Ấp P, xã Đ, huyện C, tỉnh Hậu Giang (Có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện xin ly hôn ngày 29/11/2019 cùng các lời khai có trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn chị Lương Thị Thanh N trình bày:

Chị và anh Trần Tấn Đ tự nguyện đăng ký kết hôn với nhau tại Ủy ban nhân dân xã Đ vào năm 2011. Sau khi kết hôn, cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc, thường xuyên cự cãi nhau. Nguyên nhân do mâu thuẫn về kinh tế vì anh Đ

không lo làm ăn mà chỉ ở nhà. Chị cũng đã khuyên anh đi làm nhiều lần nhưng không được. Anh, chị ly thân nhau từ năm 2014 cho đến nay.

Xét thấy nay tình cảm vợ chồng không còn, không thể tiếp tục quay về chung sống với nhau được nữa nên chị N cương quyết xin ly hôn với anh Đ.

Về con chung: Anh, chị có một con chung là cháu Trần Trọng P, sinh ngày 11/6/2013. Từ khi ly thân đến nay cháu Pcho anh Đ nuôi dưỡng. Chị đồng ý để anh Đtiếp tục nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, anh Trần Tấn Đ trình bày:

Anh thừa nhận về quan hệ hôn nhân, con chung, tài sản chung, nợ chung như chị Ntrình bày. Về mâu thuẫn vợ chồng, anh thừa nhận do con còn nhỏ nên anh ở nhà chăm sóc con. Anh không có đi làm để kiếm tiền lo cho gia đình mà để một mình chị Nphải đi làm vất vả. Nhưng lúc còn chung sống với nhau chị Nkhông đề cập đến vấn đề này nên anh không biết. Năm 2014, anh đem con về cha mẹ ruột của anh còn chị N về bên gia đình chị N sống nhưng hai vợ chồng vẫn thường xuyên qua lại với nhau. Anh, chị chỉ chính thức ly thân nhau từ cuối năm 2019 đầu năm 2020 cho đến nay.

Khi hòa giải do anh còn thương chị N nên không đồng ý ly hôn. Tại phiên tòa, chị N vẫn cương quyết yêu cầu được ly hôn nên anh cũng chấp nhận ly hôn. Anh yêu cầu được nuôi con chung, chưa yêu cầu chị N phải cấp dưỡng nuôi con.

Tài sản chung; Nợ chung: Khai không có, không yêu cầu giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành phát biểu quan điểm: Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán – Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng các quy định của pháp luật về tố tụng. Những người tham gia tố tụng nguyên đơn, bị đơn chấp hành đúng quy định của pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết vụ án theo hướng ghi nhận sự tự nguyện thuận tình ly hôn giữa chị N với anh Đ. Về con chung, ghi nhận sự tự nguyện thống nhất của các đương sự giao con chung cho anh Đ nuôi dưỡng, chị N chua phải cấp dưỡng nuôi con do anh Đ chưa yêu cầu.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Lương Thị Thanh N và anh Trần Tấn Đ tổ chức đám cưới và có đăng ký kết hôn vào năm 2011 tại Ủy ban nhân dân xã Đ trên cơ sở tự nguyện. Tại thời điểm đăng ký kết hôn, anh chị có đầy đủ các điều

kiện kết hôn, việc kết hôn được thực hiện tại cơ quan có thẩm quyền nên xác định hôn nhân của anh, chị là hợp pháp.

[2] Sau khi kết hôn, anh chị chung sống hạnh phúc với nhau thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn được chị N và anh Đ thống nhất là về kinh tế do anh Đ không chịu đi làm ăn mà chỉ ở nhà, một mình chị N phải đi làm vất vả để nuôi gia đình. Từ đó, anh chị thường xuyên xảy ra cự cãi, cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc.

Xét thấy mâu thuẫn giữa anh, chị là trầm trọng. Anh, chị cũng đã ly thân nhau được thời gian không ai quan tâm đến ai. Quá trình hòa giải, Tòa án cũng đã tạo điều kiện cho anh chị hàn gắn đoàn tụ nhưng không thành, nếu để kéo dài cũng không thể nào hàn gắn, mục đích hôn nhân không đạt được. Tại tòa, chị N cương quyết xin ly hôn và được anh Đ chấp nhận. Vì vậy cần ghi nhận sự tự nguyện thống nhất ly hôn giữa chị N với anh Đ.

[3] Về con chung: Từ khi ly thân đến nay, cháu Trần Trọng P do anh Đ nuôi dưỡng. Nguyện vọng của cháu P cũng muốn được ở với anh Đ. Về phía chị N thống nhất giao cháu P cho anh Đ tiếp tục nuôi dưỡng. Do đó cần ghi nhận sư tự nguyện của chị N giao cháu P cho anh Đ nuôi dưỡng nhằm đảm bảo ổn định cuộc sống, ổn định về mặt học tập cũng như tôn trọng ý kiến, nguyện vọng của cháu P. Chị N chưa phải cấp dưỡng nuôi con do anh Đ chưa yêu cầu. Dành quyền thăm và chăm sóc con chung cho chị N, không ai được quyền cản trở.

[4] Về tài sản chung; nợ chung: Khai không có, không yêu cầu nên Tòa án không xem xét giải quyết

[5] Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Nguyên đơn phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Ghi nhận sự tự nguyện thuận tình ly hôn giữa chị Lương Thị Thanh N và anh anh Trần Tấn Đ.

2. Về nuôi con chung: Ghi nhận sự tự nguyện của nguyên đơn giao cho anh Trần Tấn Đ được quyền trực tiếp nuôi dưỡng cháu Trần Trọng P, sinh ngày 11/6/2013 cho đến khi cháu đủ 18 tuổi. Chị N chưa phải cấp dưỡng nuôi con. Dành quyền thăm nom và chăm sóc con chung cho chị N không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung; nợ chung: Đương sự khai không có, không yêu cầu, nên không xem xét giải quyết

4. Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị Lương Thị Thanh N phải nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) được khấu trừ 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai số 0001460 ngày 14/02/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Hậu Giang. Chị N đã nộp đủ án phí hôn nhân và gia đình.

5. Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án dân sự, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7,7a và Điều 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân T. Hậu Giang
- VKSND huyện Châu Thành;
- Chi cục thi hành án huyện Châu Thành;
- Cơ quan nơi thực hiện đăng ký kết hôn;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN
(đã ký)

LÊ THỊ THỌ